

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù

- HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm kỹ năng đọc hiểu các thể loại: Truyện, truyện đồng thoại, thơ 5 tiếng, thơ 4 tiếng, thơ lục bát để giải quyết các nhiệm vụ học tập.
- Tiếng Việt: Vận dụng thành thạo các kiến thức về Tiếng Việt: từ đơn, từ phức, cụm từ, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ...
- Viết: Thực hành đoạn văn ngắn theo yêu cầu về độ dài; viết bài văn kể về trải nghiệm của bản thân.

b. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp tiếng Việt: biết sử dụng hệ thống ngôn ngữ để diễn đạt ý tưởng cá nhân một cách tự tin trong từng bối cảnh và đối tượng; thể hiện được thái độ biểu cảm phù hợp với đối tượng và bối cảnh giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề: thu thập và phân tích ngữ liệu, chọn phương án tối ưu và biện giải về sự chọn lựa.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, học, làm bài tập.
- Trách nhiệm: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ học được giao.
- Trung thực: Tự giác và báo cáo trung thực việc thực hiện nhiệm vụ của bản thân, đảm bảo mỗi sản phẩm học tập đều do bản thân HS thực hiện, không sao chép hay nhìn bài của bạn.

II. MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn Thơ Lục bát	2	0	6	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể về một trải nghiệm của em	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			10	10	30	10	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40		30		10		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

III. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	- Truyện ngắn - Thơ Lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được bối cảnh, nhân vật, ngôi kể, chi tiết tiêu biểu, đề tài, ngôn ngữ, tình huống. - Nhận biết được thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, kết cấu, biện pháp tu từ,...) - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy, cụm danh từ, cụm động từ. Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của văn bản. - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, tình huống. - Giải thích được nghĩa của từ; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ trong văn bản. Vận dụng: Trình bày được những vấn đề trong đời sống thực tế được gợi ra từ văn bản.	2 TN	6 TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	*	*	*	1TL*
Tổng				2TN 1*	6TN 1*	2TL 1*	1* TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Bầm ơi có rét không bầm?
Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn
Bầm ra ruộng cấy bầm run
Chân lội dưới bùn, tay cấy mạ non
Mạ non bầm cấy mấy đon
Ruột gan bầm lại thương con mấy phần
Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt, thương bầm bấy nhiêu!

Bầm ơi sớm sớm chiều chiều
Thương con, bầm chớ lo nhiều bầm nghe!
Con đi trăm núi ngàn khe
Không bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm
Con đi đánh giặc mười năm
Chưa bằng khó nhọc đời bầm sáu mươi.
(Tố Hữu, Bầm ơi,)

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Ngũ ngôn B. Lục bát C. Bốn chữ D. Tự do.

Câu 2. Nhận định nào nêu đúng cách ngắt nhịp của đoạn thơ?

- A. 2/2/2, 4/4, 3/3 C. 2/2/2, 4/4, 2/6
B. 2/2/2, 4/4, 2/4/2 D. 2/2/2, 4/4, 2/4

Câu 3. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu thơ?

Con đi trăm núi ngàn khe
Không bằng muôn nỗi tái tê lòng bầm

- A. Ẩn dụ B. Điệp ngữ
C. So sánh D. Nhân hóa

Câu 4. Trong câu thơ “Bầm ơi có rét không bầm?”, câu hỏi dùng để

- A. hỏi bầm có rét không.
B. bộc lộ cảm xúc.
C. bộc lộ cảm xúc xót xa của con trước những vất vả của bầm.
D. khẳng định cái lạnh của thời tiết.

Câu 5. Tìm câu thơ có chứa hình ảnh miêu tả?

- A. Bầm ơi có rét không bầm?
B. Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn

- C. Bầm ra ruộng lúa bầm run
- D. Mưa bao nhiêu hạt thương bầm bấy nhiêu.

Câu 6. Từ nào sau đây **không** phải từ láy?

- A. Tái tê B. Heo heo C. Mạ non D. Lâm thâm.

Câu 7. Từ “Bầm” trong bài thơ dùng để chỉ ai?

- A. Tác giả B. Đồng bào
- C. Người mẹ miền Trung D. Anh chiến sỹ.

Câu 8. Đoạn thơ trên thể hiện tình cảm của ai đối với ai?

- A. Tình cảm của nhân dân trong kháng chiến.
- B. Tình cảm của nhà thơ với bầm
- C. Tình cảm của bầm với người chiến sỹ
- D. Tình cảm của con với bầm, của bầm với con.

Câu 9 (2 điểm). Nêu những cảm nhận của em về tình cảm của con và bầm trong đoạn thơ.

Câu 10 (2 điểm). Từ lời nhắn nhủ “Thương con bầm chớ lo nhiều bầm nghe!”, em sẽ hành động gì thể hiện lòng hiếu thảo?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Trong cuộc sống, chắc hẳn đã từng có rất nhiều trải nghiệm sâu sắc để lại trong em nhiều bài học. Hãy viết bài văn kể lại trải nghiệm đó.

--- Hết---

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

Đề 2

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 6

Năm học: 2024 - 2025
Ngày kiểm tra: 24/12/2024
Thời gian làm bài: 90 phút

Phần	Câu	Nội dung								Điểm																
I		ĐỌC HIỂU								6,0																
	Từ câu 1 đến câu 8	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td></tr><tr><td>B</td><td>B</td><td>C</td><td>C</td><td>B</td><td>C</td><td>C</td><td>D</td></tr></table>								1	2	3	4	5	6	7	8	B	B	C	C	B	C	C	D	Mỗi câu đúng cho 0,25 đ
1	2	3	4	5	6	7	8																			
B	B	C	C	B	C	C	D																			
	9	Bài làm đảm bảo các ý sau: - Tình cảm của bà: + Bà thương con đi chiến đấu gian khổ (cấy bao đơn mạ thương con bấy nhiêu). + Lo lắng cho sự an nguy của con đi đánh giặc ngoài chiến trường. - Tình cảm của con: + Thương bà vất vả mưa rét đi cấy lúa (bà ra ruộng cấy bà run). + Thương đời bà 60 tuổi vẫn sống cuộc đời nặng trĩu lo toan trong hoàn cảnh chiến tranh.								2,0 1,0 1,0																
	10	HS rút ra những hành động cho bản thân: - Yêu thương, quan tâm đến bố mẹ. - Ngoan ngoãn, nghe lời. - Học hành chăm chỉ. - Biết ơn công lao cha mẹ.								2,0																
II		VIẾT								4,0																
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự								0,25																
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề (trải nghiệm sâu sắc để lại trong em nhiều bài học)								0,25																
		c. Kể trải nghiệm HS có thể triển khai câu chuyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Mở bài: Giới thiệu, vào bài - Thân bài + Kể bối cảnh (Thời gian địa điểm, lí do của câu chuyện) + Kể diễn biến câu chuyện từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc + Rút ra những bài học cho bản thân								3,0																

	- Kết bài: Nêu lên cảm nghĩ của bản thân	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Sử dụng lời văn của bản thân một cách hợp lí, có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (dùng từ, đặt câu)	0,25

